

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 06 – 2024.

*"V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình".*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm**

Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 535/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị R**, sinh năm: 1992 (Vắng, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Điều Minh T**, sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị R trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị R và anh T do quen biết, tự nguyện tìm hiểu nhau được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Sau ngày cưới chị R và anh T sống chung với gia đình cha mẹ ruột anh T tại ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi nhau, dẫn đến tình cảm dành cho nhau không còn, chị R, anh T không còn sống chung từ năm 2023 cho đến nay.

Nay chị R thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Điều Minh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Điều Chí Thiện, sinh ngày 25/7/2009, sau khi ly hôn chị R đồng ý giao cháu T1 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị R tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

** Tại bảng khai ý kiến ngày 20/3/2024 anh Điều Minh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị R về quá trình hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, anh T và chị R có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/01/2019, giữa anh T và chị R không có mâu thuẫn gì trầm trọng dẫn đến chị R phải yêu cầu ly hôn với anh. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị R thì anh T không đồng ý do anh T vẫn còn thương vợ con, muốn gia đình đoàn tụ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Điều Chí Thiện, sinh ngày 25/7/2009, hiện nay đang sống chung với anh T, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị R thì anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Điều Chí T2 và yêu cầu chị R phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Điều Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Điều Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

** Tại bảng khai ý kiến ngày 12/4/2024 của cháu Điều Chí T2, sinh ngày 25/7/2009, khi chị R và anh T ly hôn thì cháu Đ Chí Thiện có nguyện vọng được sống chung với cha là anh Điều Minh T.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị R có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Điều Minh T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị R có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Điều Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị R và anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị R và anh Đ Minh T do quen tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, được cấp

Giấy chứng nhận kết hôn số: 05 ngày 21 tháng 01 năm 2019 nên hôn nhân giữa chị R, anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét thấy, chị R, anh T đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn với chị R nhưng anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được, đã cho thấy hôn nhân giữa chị R và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị R là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị R và anh Đ Minh Trung có 01 (một) con chung tên Điều Chí Thiện, sinh ngày 25/7/2009, hiện nay đang sống chung với anh T sau khi ly hôn chị R đồng ý giao cháu T2 cho anh Trung trực t chăm sóc nuôi dưỡng, chị R tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi, anh T cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T2 và yêu cầu chị R phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T không đưa ra mức yêu cầu chị R phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là bao nhiêu, do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Điều Chí T2, sinh ngày 25/7/2009 cho anh Điều Minh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị R và anh Điều Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị R phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Anh Điều Minh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107; Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị R.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị R được ly hôn với chị Điều Minh T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Điều Chí Thiện, sinh ngày 25/7/2009 cho anh Điều Minh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Điều Chí Thiện mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ Chí Thiện đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Nguyễn Thị R và anh Điều Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Án phí sơ thẩm*:

Buộc chị Nguyễn Thị R phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008478 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Số tiền còn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc chị Nguyễn Thị R phải nộp thêm.

Anh Điều Minh T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA tỉnh V;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện V;
- Ủy ban nhân dân xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

Huỳnh Văn Vui

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Hiếu Phụng;
- Các đương sự;
- Lưu. **Nguyễn Thị Quế Hương**

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng....năm.....

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Ân